

Số: 01/2024/QĐDS-ST

Kim Bảng, ngày 26 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN DÂN SỰ SƠ THẨM
V/v: “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản,
phân chia tài sản chung để thi hành án”.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Đức Thọ.
- *Thư ký phiên họp:* Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp:* Ông Hoàng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 12/2023/TLST-VDS ngày 13 tháng 11 năm 2023, về yêu cầu “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” theo quyết định mở phiên họp số 01/2024/QĐST-VDS ngày 12 tháng 01 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Minh T - Chấp hành viên sơ cấp Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Số N, đường M, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2.2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam.

2.3. Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Số X, đường T, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hồng V, Giám đốc chi nhánh.

Phiên họp có mặt ông T, bà H. Ông N, ông V đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ VIỆC:

Theo đơn yêu cầu và các lời khai tại Tòa án, người yêu cầu là ông Nguyễn Minh T - Chấp hành viên sơ cấp Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam trình bày:

Tại Bản án số 04/2021/DS-ST ngày 07/5/2021 của Toà án nhân dân huyện Kim Bảng và Bản án số 12/2021/DS-PT ngày 30/7/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam, Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 24/QĐ-CCTHADS ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thì bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn P ở tổ C, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam số tiền nợ gốc là 132.000.000 đồng và tiền lãi là 92.878.289 đồng. Tổng cộng là 224.878.289 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ việc, Chi cục Thi hành án dân sự đã phối hợp với chính quyền địa phương vận động, thuyết phục bà H thi hành khoản tiền trên nhưng bà H không tự nguyện thi hành án mà xin được trả dần. Chi cục Thi hành án dân sự đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của bà Huỳnh Thị H, được biết bà H và chồng là ông Nguyễn Thành N có thửa đất số thửa số 116, tờ bản đồ PL8, diện tích 365m² (trong đó có 100m² đất ở và 265m² đất trồng cây lâu năm) đã được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 051716 ngày 13/5/2013 đứng tên người sử dụng đất ông Nguyễn Thành N, bà Huỳnh Thị H tại tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam, trên đất có một ngôi nhà mái bằng hình chữ L, một tầng, một tum.

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K được phân công thụ lý giải quyết việc thi hành án đã thông báo cho các đương sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết để tự thoả thuận phân chia tài sản chung, nhưng các bên không tự thoả thuận để phân chia. Để đảm bảo việc thi hành án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim

Bảng, tỉnh Hà Nam xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản của người phải thi hành án là bà Huỳnh Thị H trong khối tài sản chung nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị H trình bày: Cá nhân bà phải thi hành án trả cho bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn P số tiền nợ gốc và lãi đúng như Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K xác định. Bà H cũng thừa nhận thửa đất số 116, tờ bản đồ PL8, diện tích 365m² (trong đó có 100m² đất ở và 265m² đất trồng cây lâu năm) tại tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam đã được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 051716 ngày 13/5/2013 đứng tên người sử dụng đất Nguyễn Thành N, Huỳnh Thị H là tài sản của vợ chồng bà được mẹ đẻ bà tặng cho. Còn đối với ngôi nhà mái bằng một tầng, một tum trên đất là của vợ chồng bà được đơn vị quân đội nơi ông N chồng bà công tác hỗ trợ từ nguồn quỹ đồng đội xây dựng nên. Hiện nay nhà đất này ông bà đang thế chấp tại Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Nam để đảm bảo cho khoản vay 200.000.000 đồng của vợ chồng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ngân hàng đang lưu giữ.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành N trình bày: Thửa đất đứng tên ông và bà Huỳnh Thị H là của bố mẹ ông tặng cho riêng ông, còn ngôi nhà trên đất là của đồng đội xây tặng, bà H không có đóng góp gì.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Nam do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Hồng V trình bày: Ngày 14 tháng 10 năm 2021, ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam có văn bản uỷ quyền cho vợ là bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 2904-LAV-2021.01907 để vay lại số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), với thời hạn vay là 36 tháng (ông N, bà H đã vay từ trước đây, mỗi lần đến hạn thanh toán thì ông bà nộp gốc và xin vay lại). Để đảm bảo cho khoản vay này thì ông N, bà H có ký hợp đồng thế chấp số 14012477/HĐTC ngày 21/5/2014 với Ngân hàng để thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ PL8, diện tích 365m² (trong đó có 100m² đất ở và 265m² đất trồng cây lâu năm) đã được

UBND huyện Kim Bảng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 051716 ngày 13/5/2013 đứng tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Thành N, bà Huỳnh Thị H tại xóm ỏ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng 01 tầng diện tích xây dựng 150m². Đến nay thì ông N, bà H vẫn đang thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 14/10/2021.

Nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đề nghị Toà án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án của ông Nguyễn Thành N và bà Huỳnh Thị H, Ngân hàng N đề nghị Toà án giải quyết vụ việc trên cơ sở đảm bảo quyền, lợi ích của Ngân hàng và của những người liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên và đề nghị Tòa án phân chia phần tài sản của ông N, bà H theo quy định của pháp luật. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự, đồng thời đề nghị Tòa án: Căn cứ khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 369, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 29, 33, 34 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

- Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam về việc xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Thành N để thi hành án.

- Xác định thửa đất số 116, tờ bản đồ số PL8, diện tích 365m², trong đó 100m² đất ở và 265m² đất trồng cây lâu năm đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Thành N và bà Huỳnh Thị H, địa chỉ tại tổ V, thị trấn B, huyện K (hiện nay thửa đất và tài sản xây dựng trên đất này đang được thế chấp tại Ngân hàng N chi nhánh huyện K) là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Thành N và bà Huỳnh Thị H. Ông N, bà H mỗi người đều được quyền sử dụng ½ giá trị khối tài sản chung của vợ chồng là thửa đất nêu trên để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

- Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là việc dân sự “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án*” theo quy định tại khoản 9 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cơ quan thi hành án có thẩm quyền là Chi cục Thi hành án dân sự huyện K có trụ sở tại huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; tài sản có liên quan đến việc thi hành án là bất động sản ở tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành N và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Nam đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp theo quy định.

[2] Xét yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thấy:

Căn cứ vào lời khai của bà Huỳnh Thị H và kết quả xác minh với UBND thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết việc dân sự thì thửa đất số 116, tờ bản đồ số PL8, diện tích 365m², trong đó 100m² đất ở đô thị và 265m² đất trồng cây lâu năm đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1971 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam có nguồn gốc là do mẹ đẻ bà H là bà Đỗ Thị M tặng cho và được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 051716 ngày 13/5/2013. Theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì thửa đất trên có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp rãnh thoát nước dài 19m; phía Nam giáp đất bà Đỗ Thị M dài 19m; phía Tây giáp đường liên thôn dài 20m; phía Đông giáp đất bà Đỗ Thị M dài 18,50m. Trên thửa đất này ông N, bà H đã xây dựng 01 nhà mái bằng một tầng hình chữ L có một gian tầng hai, tổng diện tích xây dựng khoảng 100m²; 01 lán lợp tôn xây tường gạch diện tích khoảng 16,25m²; 01 nhà vệ sinh xây tường gạch đổ mái bằng diện tích khoảng 10m²; ngoài ra trên đất có 01 cây bưởi, 02 cây na và 02 cây cau. Vì vậy, có cơ sở xác định thửa đất này và tài sản trên đất là tài

sản hợp pháp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng ông Nguyễn Thành N và bà Huỳnh Thị H nên là tài sản chung của vợ chồng ông N và bà H. Hiện nay thửa đất và nhà ở trên đất nêu trên đang được vợ chồng ông N, bà H thế chấp tại Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Nam theo Hợp đồng thế chấp số 14012477/HĐTC ngày 21/5/2014.

Như vậy, đủ căn cứ để xác định được ông Nguyễn Thành N và bà Huỳnh Thị H mỗi người đều có quyền sử dụng tài sản chung của vợ chồng là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 116, tờ bản đồ số PL8, diện tích $365m^2$, trong đó $100m^2$ đất ở đô thị và $265m^2$ đất trồng cây lâu năm đã được UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 051716 ngày 13/5/2013 mang tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Thành N và bà Huỳnh Thị H toạ lạc tại tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam và tài sản trên đất. Vì vậy, yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Nguyễn Thành N, bà Huỳnh Thị H trong khối tài sản chung của vợ chồng ông N, bà H như nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 362, 366, 369, 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do người yêu cầu là ông Nguyễn Minh T-Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và không yêu cầu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35 và các Điều 149, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; các Điều 29, 33, 34 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam về việc xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Nguyễn Thành N và bà Huỳnh Thị H để thi hành án.

2. Xác định thửa đất số 116, tờ bản đồ số PL8, diện tích 365m², trong đó có 100m² đất ở đô thị và 265m² đất trồng cây lâu năm đứng tên ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1971 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1975, địa chỉ tại tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam và tài sản trên đất là 01 nhà mái bằng một tầng hình chữ L có một gian tầng hai, tổng diện tích xây dựng khoảng 100m²; 01 lán lợp tôn xây tường gạch diện tích khoảng 16,25m²; 01 nhà vệ sinh xây tường gạch đổ mái bằng diện tích khoảng 10m²; 01 cây bưởi; 02 cây na; 02 cây cau (có trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo) là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Thành N và bà Huỳnh Thị H. Theo đó, ông Nguyễn Thành N và bà Huỳnh Thị H mỗi người đều được quyền quản lý, sử dụng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị khối tài sản chung của vợ chồng là thửa đất và tài sản trên đất nêu trên để đảm bảo việc thi hành án dân sự. (Thửa đất và nhà xây dựng trên đất hiện đang được ông N, bà H thế chấp tại Ngân hàng N chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Nam).

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định giải quyết việc dân sự được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Thọ